TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/HSST
Ngày 31/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Dương.

Ông Hoàng Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa: Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2024/HSST ngày 20/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 52A/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lương Văn T1, sinh ngày 28/8/1977; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn M và bà Phạm Thị Tr (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị Thiên Tr1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Văn Ch1, sinh ngày 07/9/1976; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn CTr, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức Ch và bà Lương Thị G; có vợ là Phạm Thị Nh và có 2 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1084/QĐ- XPHC ngày 07/8/2015 của Công an huyện T1 xử phạt Vũ Văn Ch1 2.000.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 7/8/2015 Ch1 đã nộp phạt xong; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Đoàn Văn T1, sinh ngày 10/02/1983; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn CTr, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa:

09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ch; có vợ là Nguyễn Thị C và có 3 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Trịnh Quang Đ1, sinh ngày 10/4/1967; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn CTr, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Kh và bà Phạm Thị G; có vợ là Mai Thị L và có 4 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Từ năm 1985 đến năm 1988 tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế ở Camphuchia sau ngày 30/4/1975 được hưởng trợ cấp 1 lần năm 2014; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Ngô Văn Th1, sinh ngày 23/10/1974; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn PT, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Duy Th và bà Vũ Thị Ch; có vợ là Phạm Thị L và có 3 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 1993 đến năm 1996 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại quân chủng phòng không không quân; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn C1, sinh ngày 12/6/1973; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn CTr, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị D và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Trịnh Văn H1, sinh ngày 04/01/1980; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn CTr, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang H và bà Đào Thị H2 (đều đã chết); có vợ là Trần Thị L và có 3 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/9/2024 đến ngày 16/9/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 10/9/2024, Nguyễn Văn C1 đang ngồi uống nước ở sân nhà tại thôn CTr, xã ĐH, huyện T1 thì Vũ Văn Ch1, Đoàn Văn T1, Lương Văn T1, Ngô Văn Th1 đến chơi sau đó cả nhóm rủ nhau chơi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng. C1 lấy bộ bài có sẵn ở nhà cho mọi người chơi. Cách thức chơi như sau: tiền đặt cửa mỗi ván chơi là 20.000đồng (Hai mươi nghìn đồng), mức "tố" thấp

nhất là 20.000đồng, "tố" cao hơn không quy định mà tuỳ người chơi có thể đặt tiền, ai được "sáp" hoặc "đồng hoa" thì được thu của mỗi người chơi số tiền tương ứng là 60.000 đồng hoặc 40.000 đồng. Sau đó, có thêm anh Đoàn Văn T3, sinh năm 1973, trú tại thôn CTr, xã ĐH; Trịnh Quang Đ1, Trịnh Văn H1, anh Vũ Thanh B, sinh năm 1994, trú tại thôn Hưng Long Nam, xã Đông Long đến. Đ1 và H1 ngồi xuống tham gia đánh bạc còn anh T3 và anh B không tham gia đánh bạc mà ngồi xem. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện T1 bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây, một chiếu nhựa và số tiền 5.200.000đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng), thu giữ trên người Lương Văn T1 số tiền 3.000.000 đồng. Trịnh Văn H1 và Ngô Văn Th1 bỏ trốn sau đó đến Công an huyện T1 đầu thú.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Nguyễn Văn C1, Trịnh Văn H1 sử dụng vào việc đánh bạc là 8.200.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lương Văn T1 mang theo số tiền 3.720.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi bỏ ra trước 720.000 đồng, còn 3.000.000 đồng để trong người; Vũ Văn Ch1 mang theo số tiền 1.800.000 đồng để đánh bạc; Đoàn Văn T1 mang theo số tiền 700.000 đồng để đánh bạc; Trịnh Quang Đ1 mang theo số tiền 580.000 đồng để đánh bạc; Ngô Văn Th1 mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Văn C1 mang theo số tiền 490.000 đồng để đánh bạc; Trịnh Văn H1 mang theo số tiền 410.000 đồng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Nguyễn Văn C1, Trịnh Văn H1 đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đánh bạc như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 121/CT-VKSTH ngày 19/11/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Nguyễn Văn C1, Trịnh Văn H1 về tội "*Đánh bạc*" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Nguyễn Văn C1, Trịnh Văn H1 phạm tội "*Đánh bạc*".

1. Đối với bị cáo Lương Văn T1: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 10 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm.

2. Đối với bị cáo Vũ Văn Ch1: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 10 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm.

3. Đối với bị cáo Nguyễn Văn C1: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình

sự, đề nghị mức hình phạt từ 10 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm.

4. Đối với bị cáo Đoàn Văn T1: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng.

5. Đối với bị cáo Trịnh Quang Đ1: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng.

6. Đối với bị cáo Ngô Văn Th1: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng.

7. Đối với bị cáo Trịnh Văn H1: Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 08 tháng.

Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, mỗi bị cáo 10 triệu đồng. Ngoài ra, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tền Hải đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/9/2024, tại khu vực sân của gia đình Nguyễn Văn C1 ở thôn CTr, xã ĐH, huyện T1, tỉnh T2, Công an huyện T1 phát hiện bắt quả tang Trịnh Văn H1, Ngô Văn Th1, Lương Văn T1, Nguyễn Văn C1, Vũ Văn Ch1, Trịnh Quang Đ1, Đoàn Văn T1 đang đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng". Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 8.200.000 đồng.

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập hồi 20 giờ ngày 10/9/2024 và 7 giờ 20 phút ngày 11/9/2024 tại Công an huyện T1; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, biên bản niêm phong đồ vật bị tạm giữ; Bản Kết luận giám định số 1567/KL-KTHS ngày 25/10/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T2; Bản vẽ sơ đồ vị trí chỗ ngồi đánh bạc do các bị cáo tự vẽ lại; lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Có đủ cơ sở xác định bị cáo Lương Văn T1 đánh bạc với số tiền 3.720.000 đồng, quá trình chơi bỏ ra trước 720.000 đồng, còn 3.000.000 đồng để trong người; Vũ Văn Ch1 đánh bạc với số tiền 1.800.000 đồng; Đoàn Văn T1 đánh bạc với số tiền 700.000 đồng; Trịnh Quang Đ1 đánh bạc với số tiền 580.000 đồng; Ngô Văn Th1 đánh bạc với số tiền 500.000 đồng; Nguyễn Văn C1 đánh bạc với số tiền 490.000 đồng; Trịnh Văn H1 đánh bạc với số tiền 410.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 8.200.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Nguyễn Văn C1, Trịnh Văn H1 đã cấu thành tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố các bị cáo về tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 321 Bộ luật hình sự. Tội đánh bạc:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, là ẩn hoạ của nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật song vẫn thực hiện, đồng phạm trong việc thực hiện tội đánh bạc. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự chuẩn bị, bàn bạc, lên kế hoạch phạm tội từ trước; các bị cáo đều lao động tự do, trong quá trình ngồi uống nước rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này, tất cả 07 bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo ăn năn hối cải). Bị cáo Lương Văn T1 có bố được tặng thưởng Bằng khen vì có thành tích tham gia

cuộc kháng Ch1 chống Mỹ; bị cáo Trịnh Quang Đ1 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có mẹ đẻ được tặng Bằng khen vì có thành tích tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp, bị cáo Ngô Văn Th1 có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có bố đẻ là thương binh, được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Ngô Văn Th1, Trịnh Văn H1 ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Ch1 năm 2015 bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong.

[6] Về trách nhiệm hình sự:

[6.1] Xét mức độ, vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo T1 là người đánh bạc với số tiền nhiều nhất là 3.720.000 đồng; bị cáo Ch1 đánh bạc số tiền 1.800.000 đồng, có nhân thân về hành vi đánh bạc; bị cáo C1 đánh bạc với số tiền 490.000 đồng song là chủ nhà, tham gia trực tiếp đánh bạc cùng các bị cáo khác nên cùng xếp thứ nhất. Bị cáo T1 đánh bạc với số tiền 700.000 đồng, bị cáo Đ1 đánh bạc với số tiền 580.000 đồng, bị cáo Th1 đánh bạc với số tiền 500.000 đồng, bị cáo H1 đánh bạc với số tiền 410.000 đồng, là tương đương đương nhau nên cùng xếp thứ hai trong vụ án.

[6.2] Các bị cáo khác đều có nhân thân tốt (bị cáo Ch1 có nhân thân đánh bạc đã lâu, bản thân sau khi phạm tội chấp hành tốt chủ trương chính sách, pháp luật) nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục các bị cáo và là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.3] Các bị cáo đánh bạc mục đích thu lời bất chính, cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, trong đó bị cáo T1 đánh bạc nhiều nhất, bị cáo Ch1 có nhân thân về hành vi đánh bạc bị xử lý hành chính, bị cáo C1 cho các bị cáo khác sử dụng nhà của mình để cùng các bị cáo khác đánh bạc nên áp dụng hình phạt bổ sung cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên do bị cáo lao động tự do, khó khăn về kinh tế nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự xem xét xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt.

[7] Về vật chứng của vụ án:

[7.1] Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây (đã qua sử dụng), 01 chiếc chiếu nhựa xác định là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ.

[7.2] Đối với số tiền 8.200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó thu trên chiếu bạc 5.200.000đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng); thu giữ trên người bị cáo T1 số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) dùng để đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Nguyễn Văn C1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Trịnh Văn H1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Tuyên bố các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Nguyễn Văn C1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Trịnh Văn H1 phạm tội "*Đánh bạc*".

2. Xử phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn T1 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024). Phạt bổ sung là phạt tiền 05 (năm) triệu đồng đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn Ch1 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024). Phạt bổ sung là phạt tiền 05 (năm) triệu đồng đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024). Phạt bổ sung là phạt tiền 05 (năm) triệu đồng đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn T1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024). Phạt bổ sung là phạt tiền 03 (ba) triệu đồng đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Quang Đ1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024). Phạt bổ sung là phạt tiền 03 (ba) triệu đồng đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Văn Th1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2024 đến ngày 16/9/2024). Phạt bổ sung là phạt tiền 03 (ba) triệu đồng đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn H1 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/9/2024 đến ngày 16/9/2024). Phạt bổ sung là phạt tiền 03 (ba) triệu đồng đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Nguyễn Văn C1, Trịnh Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã ĐH; giao bị cáo Ngô Văn Th1 cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, đều thuộc huyện T1, tỉnh T2 giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu sung quỹ số tiền 8.200.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây (đã qua sử dụng), 01 chiếc chiếu nhựa.

(T1 bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/11/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Nguyễn Văn C1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Trịnh Văn H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, các bị cáo Lương Văn T1, Vũ Văn Ch1, Nguyễn Văn C1, Đoàn Văn T1, Trịnh Quang Đ1, Ngô Văn Th1, Trịnh Văn H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 31/12/2024./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND các xã: ĐH, ĐT;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền